

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	13 - 37



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Cơ khí - Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 23 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty và thay đổi địa chỉ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 10 tháng 07 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 0243 7832398

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh 1	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh 5	Lô K, Khu công nghiệp Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lý Nam Ninh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Huynh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tám	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 7 năm 2023
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2023
Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Thiện	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Ông Khiếu Mạnh Tuấn là người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày 06 tháng 07 năm 2023. Từ ngày 07 tháng 07 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Lê Văn Tám.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Nhóm công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 2.0344/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (Công ty con) và Chi nhánh Long Sơn của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang (Công ty con) không được kiểm toán do các đơn vị này đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số liệu trên Bảng cân đối kế toán của các đơn vị này được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với tổng tài sản là 34.866.233.685 VND (số đầu năm là 41.500.585.661 VND), nợ phải trả là 49.565.289.948 VND (số đầu năm là 49.665.289.948 VND) và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là (21.682.062.660) VND (số đầu năm là (21.739.522.892) VND (Chi tiết xem thuyết minh I.6a).

Các tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 chưa được phân loại theo công dụng của tài sản. Thời gian khấu hao của các tài sản này đang ước tính là 30 năm mà chưa khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích của từng tài sản. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra kết luận về giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế của Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

002
NH
TY
HUU
A TU
C
NO
TP.

Một số khoản công nợ phải thu (phải thu khách hàng và ứng trước cho người bán) và công nợ phải trả (phải trả người bán, người mua trả tiền trước) chưa được đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023 lần lượt là 141.367.859.172 VND và 137.821.134.696 VND, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 108.361.252.408 VND và 90.432.044.927 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Nhóm công ty.

Trong các năm trước, Nhóm công ty chưa thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các số dư nợ phải thu quá hạn thanh toán lâu ngày, ước tính khoảng 3.236.175.404 VND. Nếu Nhóm công ty ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ thì Bảng cân đối kế toán hợp nhất ảnh hưởng tăng chỉ tiêu “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và giảm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 với giá trị tương ứng.

Nhóm công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (Công ty liên kết). Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính chính xác, tính đầy đủ của các chỉ tiêu: (i) Chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” số tiền 36.830.075.998 VND; (ii) Chỉ tiêu “Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết”, số tiền (53.865.814) VND (xem thuyết minh báo cáo tài chính số V.2b).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về khoản lỗ thuần 40.821.312.949 VND của Nhóm công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 287.997.411.823 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 343.838.694.067 VND. Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất về việc Công ty đang tiến hành khởi kiện Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 tại Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn do tranh chấp về tỷ lệ sở hữu vốn.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1
Người được uỷ quyền

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		466.190.829.765	511.537.210.326
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.239.106.568	9.649.395.502
1. Tiền	111		2.239.106.568	9.649.395.502
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		419.200.000	400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	419.200.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310.790.341.452	305.309.347.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	223.939.112.442	231.627.073.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.363.643.804	22.343.350.070
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.659.332.458	2.659.332.458
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	77.308.661.735	75.061.014.035
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(30.257.433.906)	(26.381.422.077)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		16.777.024.919	-
IV. Hàng tồn kho	140		133.265.456.321	175.048.290.689
1. Hàng tồn kho	141	V.8	133.265.456.321	175.048.290.689
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.476.725.424	21.130.176.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	220.060.534	293.869.454
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.256.664.890	20.836.306.935
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		266.612.881.931	275.981.733.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.000.000	48.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	48.000.000	48.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		222.794.530.009	231.700.358.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	221.174.530.009	230.080.358.729
<i>Nguyên giá</i>	222		379.523.194.192	389.621.725.761
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(158.348.664.183)	(159.541.367.032)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.620.000.000	1.620.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(555.809.000)	(555.809.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		781.492.174	781.492.174
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		781.492.174	781.492.174
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.850.075.998	36.903.941.812
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	36.830.075.998	36.883.941.812
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20.000.000	20.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.138.783.750	6.547.941.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	5.896.126.195	6.295.172.819
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	242.657.555	252.768.287
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		732.803.711.696	787.518.944.147

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		882.609.559.763	896.503.479.265
I. Nợ ngắn hạn	310		810.029.523.832	812.823.443.334
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	156.421.096.021	158.735.380.537
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	81.570.182.294	79.947.040.607
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	72.609.280.620	74.560.543.709
4. Phải trả người lao động	314		11.802.375.890	12.707.785.661
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	59.857.260.283	110.621.017.616
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	237.480.431.268	183.004.928.540
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	188.437.777.893	191.356.527.101
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.851.119.563	1.890.219.563
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		72.580.035.931	83.680.035.931
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	72.554.570.853	83.654.570.853
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		25.465.078	25.465.078
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(149.805.848.067)	(108.984.535.118)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	(149.805.848.067)	(108.984.535.118)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.536.200.000	83.536.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.340.512.899	42.340.512.899
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(287.997.411.823)	(247.891.098.339)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(247.891.098.339)	(247.891.098.339)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(40.106.313.484)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		387.673.630	1.102.673.095
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		732.803.711.696	787.518.944.147

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Xuân

Phạm Văn Hiện

Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	71.110.693.488	82.011.172.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.110.693.488	82.011.172.060
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.116.047.097	72.598.739.412
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.994.646.391	9.412.432.648
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.780.551	11.503.311
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	27.093.718.361	24.368.392.468
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.093.718.361	24.190.292.290
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(53.865.814)	(71.448.299)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.412.470.442	(7.363.421.630)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(36.539.627.675)	(7.652.483.178)
12. Thu nhập khác	31		-	78.873.676
13. Chi phí khác	32	VI.6	4.271.574.542	2.516.872.888
14. Lợi nhuận khác	40		(4.271.574.542)	(2.437.999.212)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(40.811.202.217)	(10.090.482.390)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		10.110.732	10.110.732
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(40.821.312.949)	(10.100.593.122)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(40.106.313.484)	(9.899.567.006)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(714.999.465)	(201.026.116)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(4.801)	(1.185)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	(4.801)	(1.185)

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(40.811.202.217)	(10.090.482.390)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	8.905.828.720	7.090.848.145
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	3.876.011.829	(19.071.521.411)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	20.600.178
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	28.085.263	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	27.093.718.361	24.190.292.290
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(907.558.044)	2.139.736.812
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.796.563.490)	30.549.564.812
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		41.782.834.368	247.940.064
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(53.150.210.578)	18.801.185.616
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		472.855.544	237.826.658
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		26.259.971.923	31.117.299.710
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(39.100.000)	(44.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.622.229.723	83.049.353.672
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(56.575.167.310)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.780.551	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.780.551	(56.975.167.310)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	8.330.580.864
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.18a	(14.018.749.208)	(32.442.560.930)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.550.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.058.299.208)	(24.111.980.066)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.410.288.934)	1.962.206.296
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	9.649.395.502	7.707.789.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(20.600.178)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	2.239.106.568	9.649.395.502

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám

T. H. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Một số công trình như Thạch Nham, Rào Trăng 4, Suối Mu, Công ty ký hợp đồng với đơn giá cạnh tranh. Tuy nhiên, trong quá trình thi công giá vật tư tăng rất cao dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ.

Nhiều công trình đơn vị thi công xong từ rất lâu như Nậm Chiến 1, Xekaman 3 ..., Công ty đã nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, công tác thanh toán chủ đầu tư rất chậm làm cho Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc trả nợ gốc ngân hàng, dẫn đến chi phí lãi vay rất lớn.

6. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm	89,87%	89,87%	89,87%	89,87%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Tầng 4, số nhà 117 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, Hà Nội	Thiết kế cơ khí	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco (*)	Số nhà 10 TT33, KĐT Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm và xây lắp	100%	100%	100%	100%

(*) Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco đã dừng hoạt động từ nhiều năm trước. Tuy nhiên, trong năm 2023 Công ty phát sinh nghiệp vụ ghi nhận doanh thu và giá vốn công trình ... do quyết toán công trình được phê duyệt. Chi nhánh Long Sơn thuộc Công ty Cổ phần Someco Hà Giang cũng dừng hoạt động từ nhiều năm trước, trong năm không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của các đơn vị này được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản ngắn hạn	100	34.818.233.685	41.452.585.661
Tài sản dài hạn	200	48.000.000	48.000.000
Tổng cộng tài sản	270	34.866.233.685	41.500.585.661
Nợ phải trả	300	49.565.289.948	49.665.289.948
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(21.682.062.660)	(21.739.522.892)

6b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chi đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 có trụ sở chính tại Bản Đông Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty tại công ty này là 24% và 67% do các cổ đông khác chưa góp đủ vốn theo cam kết (không thay đổi so với số đầu năm).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 133 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm công ty (số đầu năm là 54 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Nhóm công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Nhóm công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nhóm công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do khoản đầu tư này Nhóm công ty nhận ủy thác đầu tư nên không chịu rủi ro.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối năm được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu năm (CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong năm (CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{lượng dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{năm} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}$$

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Nhóm công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

002
NH
Y
HỘI
TƯ VÀ
HỘI
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	118.082.678	2.227.958.738
Tiền gửi ngân hàng	2.121.023.890	7.421.436.764
Cộng	2.239.106.568	9.649.395.502

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 162.000.000.000 VND tương đương 16.200.000 cổ phần. Nhóm công ty sở hữu 3.912.482 Cổ phần, tương ứng 24% vốn điều lệ.

Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	36.883.941.812	36.955.390.111
Lợi nhuận phát sinh trong năm	(53.865.814)	(71.448.299)
Cộng	36.830.075.998	36.883.941.812

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên – Sông Đà 7.

Giá trị hợp lý

Nhóm công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	173.274.470.872	177.520.854.592
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	161.083.505.687	163.358.533.231
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	151.704.090	151.704.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	94.063.956	94.063.956
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	288.369.957
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	6.182.844	6.182.844
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	130.470.486	447.678.896
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	703.775.379	703.775.379
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	2.825.882.302	2.825.882.302
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	99.865.504	99.865.504
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	3.171.092.835	4.536.870.644
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	327.959.347	327.959.347
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	3.375.730.088	3.375.730.088
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.304.238.354	1.304.238.354
Phải thu các khách hàng khác	50.664.641.570	54.106.218.668
Cộng	223.939.112.442	231.627.073.260
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	58.187.932.135	108.361.252.408

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thủy lực Yên Linh	7.385.850.000	7.385.850.000
Ông Đỗ Văn Lâm	2.997.545.015	2.997.545.015
Các nhà cung cấp khác	9.980.248.789	11.959.955.055
Cộng	20.363.643.804	22.343.350.070
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	14.649.141.229	

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>159.332.458</i>	<i>159.332.458</i>
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	159.332.458	159.332.458
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.500.000.000</i>	<i>2.500.000.000</i>
Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Phúc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.659.332.458	2.659.332.458

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.242.438.614</i>	-	<i>2.188.534.983</i>	-
Ông Vũ Anh Đoàn - Tạm ứng	60.000.000	-	60.000.000	-
Ông Đỗ Ngọc Ánh - Tạm ứng	369.997.391	-	369.997.391	-
Ông Vũ Thanh Sơn - Tạm ứng	1.812.441.223	-	1.758.537.592	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>75.066.223.121</i>	<i>(6.809.482.954)</i>	<i>72.872.479.052</i>	<i>(4.479.567.629)</i>
Tạm ứng	35.523.500.255	-	33.636.833.617	-
Tiền thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	16.622.072.791	-	14.754.613.452	-
Phải thu bảo hiểm tiền bồi thường tổn thất	-	-	7.506.000.000	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	4.738.092.324	-	3.175.546.084	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.182.557.751	(6.809.482.954)	13.799.485.899	(4.479.567.629)
Cộng	77.308.661.735	(6.809.482.954)	75.061.014.035	(4.479.567.629)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản đặt cọc vỏ bình ga.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các khoản phải thu là bên liên quan</i>	<i>789.815.414</i>	<i>(789.815.414)</i>	<i>789.815.414</i>	<i>(789.815.414)</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	789.815.414	(789.815.414)	789.815.414	(789.815.414)
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>31.076.446.523</i>	<i>(29.467.618.492)</i>	<i>27.740.972.890</i>	<i>(25.591.606.663)</i>
Phải thu khách hàng	21.393.779.144	(20.158.135.538)	20.412.463.475	(18.612.039.034)
Phải thu về cho vay	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(2.500.000.000)
Phải thu khác	7.182.667.379	(6.809.482.954)	4.828.509.415	(4.479.567.629)
Cộng	31.866.261.937	(30.257.433.906)	28.530.788.304	(26.381.422.077)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	26.381.422.077	45.452.943.488
Trích lập dự phòng bổ sung	3.876.011.829	648.702.621
Hoàn nhập dự phòng	-	(19.720.224.032)
Số cuối năm	<u>30.257.433.906</u>	<u>26.381.422.077</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.333.225.293	-	4.778.701.256	-
Công cụ, dụng cụ	114.531.110	-	137.083.330	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	128.817.699.918	-	170.132.506.103	-
Công trình thủy điện Xekaman 1	24.471.287.687	-	35.236.230.509	-
Công trình thủy điện Xekaman 3	22.728.899.779	-	22.787.531.694	-
Công trình thủy điện Sanxay	7.123.598.381	-	29.589.095.120	-
Công trình khác	74.493.914.071	-	82.519.648.780	-
Cộng	<u>133.265.456.321</u>	<u>-</u>	<u>175.048.290.689</u>	<u>-</u>

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	43.380.002
Chi phí bảo hiểm	161.810.534	213.239.452
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.250.000	37.250.000
Cộng	<u>220.060.534</u>	<u>293.869.454</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất (*)	5.829.057.252	6.067.138.432
Chi phí trả trước dài hạn khác	67.068.943	228.034.387
Cộng	<u>5.896.126.195</u>	<u>6.295.172.819</u>

*) Là chi phí thuê đất dài hạn lô K, đường 4, KCN Liên Chiêu, Liên Chiêu, Đà Nẵng. Thời hạn thuê từ 02/07/2008 đến 02/07/2048, thời hạn phân bổ còn lại 318 tháng.

5-002
ẢNH
TY
HỮU H
Ả TU V
C
NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà máy thuê điện Nạm Ly 1	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	265.804.892.663	18.076.084.670	72.549.087.380	30.818.205.123	2.373.455.925	389.621.725.761
Giảm trong năm	-	-	(7.995.856.660)	(2.102.674.909)	-	(10.098.531.569)
Số cuối năm	265.804.892.663	18.076.084.670	64.553.230.720	28.715.530.214	2.373.455.925	379.523.194.192
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	17.283.964.363	64.606.230.720	28.715.530.214	2.373.455.925	-
Chờ thanh lý				695.617.143	1.886.362.180	2.581.979.323
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	36.014.635.908	17.849.008.039	72.486.062.037	30.818.205.123	2.373.455.925	159.541.367.032
Khấu hao trong năm	8.860.163.090	33.193.944	12.471.686	-	-	8.905.828.720
Giảm trong năm	-	-	(7.995.856.660)	(2.102.674.909)	-	(10.098.531.569)
Số cuối năm	44.874.798.998	17.882.201.983	64.502.677.063	28.715.530.214	2.373.455.925	158.348.664.183
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	229.790.256.755	227.076.631	63.025.343	-	-	230.080.358.729
Số cuối năm	220.930.093.665	193.882.687	50.553.657	-	-	221.174.530.009
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 220.930.093.664 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình và Chi nhánh Hà Giang.



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Số cuối năm	<u>1.620.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>55.809.000</u>	<u>2.175.809.000</u>
Trong đó: đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	500.000.000	55.809.000	555.809.000
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>500.000.000</u>	<u>55.809.000</u>	<u>555.809.000</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000	-	-	1.620.000.000
Số cuối năm	<u>1.620.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.620.000.000</u>

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.620.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến giao dịch bán hàng nội bộ cho các công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	252.768.287	262.879.019
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(10.110.732)	(10.110.732)
Số cuối năm	<u>242.657.555</u>	<u>252.768.287</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	26.655.724.277	24.675.238.191
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	3.208.469.488	1.217.157.253
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	2.471.000	2.471.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.406.515.445	1.406.515.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	110.234.772	110.234.772
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	21.867.375.822	21.867.375.822
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	60.000.000	70.826.149
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	657.750	657.750
Phải trả các nhà cung cấp khác	129.830.359.484	134.060.142.346
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh	17.619.976.831	17.649.976.831
Công ty Cổ phần Nhật Nam	12.531.877.951	12.571.877.951
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	17.149.544.884	17.649.544.884
Các nhà cung cấp khác	82.463.972.078	86.188.742.680
Cộng	<u>156.421.096.021</u>	<u>158.735.380.537</u>
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	56.766.055.731	90.432.044.927

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>52.706.347.614</i>	<i>57.888.774.639</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	46.853.226.552	52.035.653.577
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	383.500.000	383.500.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>28.863.834.680</i>	<i>22.058.265.968</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Suối Mu	-	3.284.400.000
B. Fouress Private Limited (BFL)	7.611.902.026	2.832.855.200
Các khách hàng khác	21.251.932.654	15.941.010.768
Cộng	81.570.182.294	79.947.040.607
Trong đó: Công nợ chưa được đối chiếu xác nhận	81.055.078.965	-

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	46.827.253.670	1.558.966.274	(3.132.039.896)	45.254.180.048
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.937.010.436	-	-	9.937.010.436
Thuế thu nhập cá nhân	1.512.283.427	56.937.613	(26.451.499)	1.542.769.541
Thuế tài nguyên	371.716.935	1.729.116.040	(1.649.337.412)	451.495.563
Tiền thuê đất ⁽ⁱ⁾	677.425.532	(419.165.208)	-	258.260.324
Thuế bảo vệ môi trường	49.783.788	532.218.348	(582.002.136)	-
Lệ phí môn bài	-	10.000.000	(10.000.000)	-
Các loại thuế khác	238.854.677	-	-	238.854.677
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	14.946.215.244	175.140.156	(194.645.369)	14.926.710.031
Cộng	74.560.543.709	3.643.213.223	(5.594.476.312)	72.609.280.620

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp tại Lào	0%
Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5 - 10%
Hoạt động thương mại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Someco Hà Giang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian ưu đãi thuế là 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Nhóm công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

- (i) Là tiền thuê đất được giảm do Quyết định thu hồi đất số 1357/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hòa Bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Nhóm công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	29.323.619.544
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - Tiền thi công	3.806.376.112	3.806.376.112
Chi phí dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly	31.285.528.215	54.353.383.313
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	24.765.355.956	23.137.638.647
Cộng	<u>59.857.260.283</u>	<u>110.621.017.616</u>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.174.144.811</i>	<i>22.518.610.246</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	18.823.794.811	21.872.760.246
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Tiền lương HĐQT, BKS	345.850.000	641.350.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>218.306.286.457</i>	<i>160.486.318.294</i>
Lãi vay phải trả	164.898.097.368	111.544.407.084
Kinh phí công đoàn	2.417.448.336	2.296.331.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	28.919.061.386	27.961.813.231
Cổ tức phải trả	2.565.290.160	2.604.840.160
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	19.506.389.207	16.078.926.819
Cộng	<u>237.480.431.268</u>	<u>183.004.928.540</u>

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>176.772.436.816</i>	<i>179.391.186.024</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình (i)	150.881.910.986	150.881.910.986
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà (ii)	25.890.525.830	28.509.275.038
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<i>665.341.077</i>	<i>965.341.077</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
Cộng	<u>188.437.777.893</u>	<u>191.356.527.101</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, thời hạn vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.10 và V.11) và tài sản đảm bảo của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1b).

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà theo các hợp đồng sau:
+ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260-LAV-201800163 ngày 27 tháng 6 năm 2018 để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất hiện tại là 7%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 3.912.482 cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1, giá trị cổ phần theo mệnh giá là 39.124.820.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, Phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1260-LAV-202100376 ngày 29 tháng 7 năm 2021 để bổ sung nhu cầu vốn lưu động với lãi suất hiện tại là 7%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng này là toàn bộ quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD299601, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất H0013, địa chỉ lô 42-B8, khu dân cư Hòa Hiệp 2, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng do UBND quận Liên Chiểu TP Đà Nẵng cấp ngày 28/09/2005 mang tên ông Khiếu Mạnh Tuấn và bà Nguyễn Thị Thu Huyền.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	179.391.186.024	-	(2.618.749.208)	176.772.436.816
Vay ngắn hạn các cá nhân	965.341.077	-	(300.000.000)	665.341.077
Vay dài hạn đến hạn trả	11.000.000.000	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000
Cộng	191.356.527.101	11.000.000.000	(13.918.749.208)	188.437.777.893

18b. Vay dài hạn

Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 và hợp đồng tín dụng bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2013 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3.5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là Nhà máy thủy điện Nậm Ly 1.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	83.654.570.853	95.300.570.853
Số tiền vay đã trả	(100.000.000)	(646.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
Số cuối năm	72.554.570.853	83.654.570.853

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	11.000.000.000	11.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Trên 5 năm	28.554.570.853	42.514.570.861
Cộng	83.554.570.853	97.514.570.861

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	264.480.284	(39.100.000)	225.380.284
Quỹ phúc lợi	1.625.739.279	-	1.625.739.279
Cộng	1.890.219.563	(39.100.000)	1.851.119.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(237.991.531.333)	1.303.699.211	(98.883.941.996)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(9.899.567.006)	(201.026.116)	(10.100.593.122)
Số dư cuối năm trước	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(247.891.098.339)	1.102.673.095	(108.984.535.118)

Năm nay

Số dư đầu năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(247.891.098.339)	1.102.673.095	(108.984.535.118)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(40.106.313.484)	(714.999.465)	(40.821.312.949)
Số dư cuối năm nay	83.536.200.000	11.927.177.227	42.340.512.899	(287.997.411.823)	387.673.630	(149.805.848.067)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông khác	38.556.000.000	38.556.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	44.980.200.000	44.980.200.000
Cộng	11.927.177.227	11.927.177.227
	95.463.377.227	95.463.377.227

20c. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.353.620	8.353.620
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.353.620	8.353.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 616,27 USD (số đầu năm là 655,83 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây lắp	48.869.182.486	61.030.011.792
Doanh thu bán điện	21.512.708.999	20.629.160.268
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	280.000.000
Doanh thu khác	728.802.003	72.000.000
Cộng	<u>71.110.693.488</u>	<u>82.011.172.060</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Doanh thu xây lắp	23.067.614.144	13.677.137.721

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây lắp	52.743.181.974	62.725.143.757
Giá vốn bán điện	12.084.771.151	9.634.722.155
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	238.873.500
Giá vốn khác	288.093.972	-
Cộng	<u>65.116.047.097</u>	<u>72.598.739.412</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	27.093.718.361	24.190.292.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	20.600.178
Chi phí tài chính khác	-	157.500.000
Cộng	<u>27.093.718.361</u>	<u>24.368.392.468</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.591.105.725	8.035.332.274
Chi phí vật liệu quản lý	547.119.311	725.561.679
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.807.606	80.413.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	8.500.019
Thuế, phí và lệ phí	37.211.099	36.289.203
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	3.876.011.829	(19.071.521.411)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.128.349.749	1.489.090.127
Các chi phí khác	1.199.865.123	1.332.912.787
Cộng	<u>15.412.470.442</u>	<u>(7.363.421.630)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	457.948.014	607.341.268
Thuế bị phạt, bị truy thu	11.190.990	434.802.021
Phạt vi phạm hành chính	472.915.845	55.500.000
Chi phí tổn thất không được bảo hiểm bồi thường	3.287.611.871	1.304.000.000
Chi phí khác	41.907.822	115.229.599
Cộng	4.271.574.542	2.516.872.888

7. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(40.106.313.484)	(9.899.567.006)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(40.106.313.484)	(9.899.567.006)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.353.620	8.353.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.801)	(1.185)

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.059.009.126	38.197.565.620
Chi phí nhân công	17.267.109.801	24.829.900.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.905.828.720	7.090.848.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.326.828.754	11.937.583.432
Chi phí khác	3.367.249.915	(16.127.083.879)
Cộng	54.926.026.316	65.928.814.218

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Trần Thanh Sơn		
Tạm ứng	2.476.046.890	-
Hoàn ứng	2.422.143.259	-
Khiếu Mạnh Tuấn		
Tạm ứng	3.000.000.000	-
Hoàn ứng	3.000.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 06/07/2023)	131.955.621	74.663.772	206.619.393
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 29/06/2023)	83.507.252	-	83.507.252
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT	-	17.718.180	17.718.180
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	17.718.180	17.718.180
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	240.281.000	17.718.180	257.999.180
Phạm Văn Chiến	Ủy viên HĐQT	-	18.000.000	18.000.000
Ông Lê Văn Tám	Ủy viên HĐQT/TGD (từ ngày 07/07/2023)	126.829.636	9.309.091	136.138.727
Nguyễn Đình Thiện	Phó TGD	102.808.555	-	102.808.555
Vũ Trọng Hoàng	Phó TGD	102.960.441	-	102.960.441
Lý Nam Ninh	Trưởng ban Kiểm soát (từ ngày 06/07/2023)	79.202.605	13.125.000	92.327.605
Tạ Hoàng Cường	Trưởng ban Kiểm soát (đến ngày 29/06/2023)	-	6.306.817	6.306.817
Đỗ Ngọc Ánh	Thành viên BKS (từ ngày 06/07/2023)	211.573.000	6.981.819	218.554.819
Ông Nguyễn Thế Huỳnh	Thành viên BKS (đến ngày 06/07/2023)	41.236.037	-	41.236.037
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên BKS	-	41.890.909	41.890.909
Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	186.520.944	-	186.520.944
Cộng		1.306.875.090	223.431.948	1.530.307.038

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước				
Ông Trần Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	126.659.164	-	126.659.164
Ông Khiếu Mạnh Tuấn	Ủy viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	246.933.989	16.290.908	263.224.897
Ông Lê Trọng Nghĩa	Ủy viên HĐQT	-	16.290.908	16.290.908
Ông Vũ Anh Đoàn	Ủy viên HĐQT	-	16.290.908	16.290.908
Ông Nguyễn Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	-	16.290.908	16.290.908
Ông Tạ Hoàng Cường	Trưởng Ban kiểm soát	77.081.454	-	77.081.454
Ông Nguyễn Thế Huynh	Thành viên BKS	-	12.218.182	12.218.182
Bà Ninh Thị Thu Huyền	Thành viên BKS	158.822.114	12.218.182	171.040.296
Ông Phạm Văn Hiện	Kế toán trưởng	182.560.101	-	182.560.101
Cộng		792.056.822	89.599.996	881.656.818

Cam kết bảo lãnh

Ông Trần Thanh Sơn dùng tài sản cố định là xe ô tô Mercedes thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 750.000.000 VND (xem thuyết minh số V.18).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Bên liên quan của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Nhóm công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà – CTCP		
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả Tổng công ty	2.125.108	189.358.031
Trả gốc vay	-	2.027.453.211

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.14 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và kinh doanh thủy điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.597.984.489	21.512.708.999	71.110.693.488
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.597.984.489	21.512.708.999	71.110.693.488
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.433.291.457)	9.427.937.848	5.994.646.391
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(53.865.814)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(12.274.644.617)	(3.137.825.825)	(15.412.470.442)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(32.875.100.810)	(3.610.661.051)	(36.539.627.675)
Doanh thu hoạt động tài chính	22.410.190	3.370.361	25.780.551
Chi phí tài chính	(17.189.574.926)	(9.904.143.435)	(27.093.718.361)
Thu nhập khác	-	-	-
Chi phí khác	(820.890.944)	(3.450.683.598)	(4.271.574.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(10.110.732)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(40.821.312.949)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	250.552.866	9.104.876.136	9.355.429.002
	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	61.382.011.792	20.629.160.268	82.011.172.060
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.382.011.792	20.629.160.268	82.011.172.060
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.582.005.465)	10.994.438.113	9.412.432.648
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(71.448.299)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.118.986.204	(1.755.564.574)	7.363.421.630
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.677.125.225	(96.090.346)	7.652.483.178
Doanh thu hoạt động tài chính	9.330.895	2.172.416	11.503.311
Chi phí tài chính	(15.223.436.859)	(9.144.955.609)	(24.368.392.468)
Thu nhập khác	78.873.676	-	78.873.676
Chi phí khác	(1.159.168.229)	(1.357.704.659)	(2.516.872.888)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	(10.110.732)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(10.100.593.122)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	83.330.015	7.059.743.439	7.143.073.454

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	542.080.785.343	238.299.014.960	(103.902.890.029)	676.476.910.274
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				56.326.801.422
Tổng tài sản				732.803.711.696
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	745.921.625.596	234.422.429.351	(99.585.614.747)	880.758.440.200
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.851.119.563
Tổng nợ phải trả				882.609.559.763
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	577.415.650.773	257.515.097.723	(86.975.078.619)	747.955.669.877
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	39.563.274.270
Tổng tài sản				787.518.944.147
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	723.532.586.633	246.577.167.465	(75.496.494.396)	894.613.259.702
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	1.890.219.563
Tổng nợ phải trả				896.503.479.265

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Nhóm công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm công ty tiếp tục lỗ 40.821.312.949 VND của, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 287.997.411.823 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 343.838.694.067 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty. Tuy nhiên, Nhóm công ty vẫn đang tiếp tục triển khai đôn đốc thu hồi nợ và ký mới các hợp đồng, hoạt động của Công ty con đang dần ổn định, ngân hàng đã thay đổi lịch trả nợ vay phù hợp với dòng tiền từ kinh doanh thủy điện. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Nhóm công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Thông tin về các vụ tranh chấp, kiện tụng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, thông tin về các vụ kiện tụng liên quan đến Nhóm công ty bao gồm:

Ngày 07 tháng 07 năm 2022, UBND tỉnh Hòa Bình đã có Quyết định số 1357/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với diện tích 61.372,8 m² đất do Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (thuộc chi nhánh 1) quản lý sử dụng do vi phạm pháp luật về đất đai, giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý và thực hiện đấu giá đối với diện tích đất này. Công ty đã có các văn bản khiếu nại Quyết định của chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ngày 27 tháng 09 năm 2022, và khiếu nại lần 2 gửi Bộ Tài nguyên Môi trường ngày 08 tháng 02 năm 2023 với cùng nội dung là “Thu hồi, và/hoặc Hủy bỏ quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 07 tháng 07 năm 2022”. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang tiến hành các thủ tục tố tụng tại Tòa án Nhân dân cấp cao sau khi nhận được quyết định số 46/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tiếp tục công nhận quyết định của chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc thu hồi đất của Công ty.

Ngày 11 tháng 09 năm 2023, Công ty đã có đơn khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 (Công ty liên kết), gửi Tòa án Nhân dân tỉnh Lạng Sơn với những nội dung sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định và tuyên bố số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 58.385.947.018 VND (Số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 theo đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 23 tháng 08 năm 2017 là 162.000.000.000 VND).
- Xác định và tuyên bố số vốn của Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà đã góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 39.124.823.018 VND).
- Buộc Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để đăng ký giảm vốn điều lệ đúng bằng với số vốn thực góp là 58.435.259.018 VND.
- Buộc Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 phải chịu các chi phí tổ tụng theo quy định của pháp luật.

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Xuân

Kế toán trưởng

Phạm Văn Hiện

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tám